

Số: *11* /2012/QĐ-UBND

*Hung Yên, ngày 16* tháng 8 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) lệ phí trước bạ đối với xe ô tô  
chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH12 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 về lệ phí trước bạ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của liên ngành Sở Tài chính - Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 121/TTLN-STC-CT ngày 29/5/2012 về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tỷ lệ phần trăm (%) lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí trước bạ:

Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân người nước ngoài) có ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải nộp lệ phí trước bạ (trừ các trường hợp không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ theo quy định pháp luật).

2. Mức thu lệ phí trước bạ: 10% trên giá tính lệ phí trước bạ.

**Điều 2.** - Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành; các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ;

- Giao Cục Thuế tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và Điều 1 Quyết định này chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, thành phố thực hiện thu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *a*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH<sup>T</sup>.



**Nguyễn Văn Thông**